

|                                  |                                    |
|----------------------------------|------------------------------------|
| CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH HỮU |                                    |
| ĐẾN                              | Số: ...6371...<br>Ngày: ...05/8... |

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc quy định giá tính thuế các mặt hàng hải sản tự nhiên  
trên địa bàn tỉnh Bến Tre

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2651/TTr-STC ngày 24 tháng 7 năm 2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định giá tính thuế các mặt hàng hải sản tự nhiên trên địa bàn tỉnh Bến Tre như sau:

ĐVT: đồng/kg

| STT | Loại tài nguyên   | Đơn giá |
|-----|-------------------|---------|
|     | Hải sản tự nhiên: |         |
| 01  | Cá loại 3         | 29.000  |
| 02  | Cá loại 5         | 10.000  |
| 03  | Cá loại 7         | 3.000   |

| STT | Loại tài nguyên | Đơn giá |
|-----|-----------------|---------|
| 04  | Cá trích        | 3.800   |
| 05  | Cá sô           | 6.000   |
| 06  | Mực             | 31.000  |
| 07  | Cá đuối         | 10.000  |
| 08  | Tôm sô          | 23.000  |
| 09  | Ruốc            | 1.600   |

**Điều 2.** Giá tính thuế các mặt hàng hải sản tự nhiên quy định tại Điều 1 của Quyết định này được áp dụng trong các trường hợp sau:

1-Tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khai thác đánh bắt các mặt hàng hải sản tự nhiên.

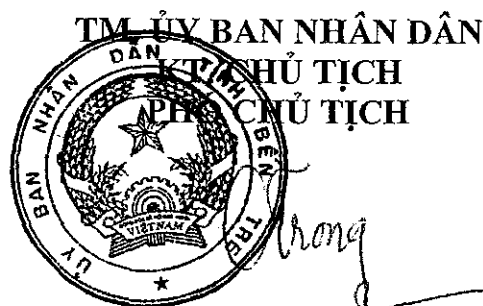
2-Tính số tiền miễn thuế thu nhập cá nhân và thuế tài nguyên đối với tổ chức, cá nhân khai thác đánh bắt các mặt hàng hải sản tự nhiên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định giá tính thuế các mặt hàng hải sản tự nhiên trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh (để báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ TP (để kiểm tra);
- Website Chính phủ;
- Website tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (để tự kiểm tra);
- Báo Đồng Khởi;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Phòng Tiếp dân (để niêm yết);
- N/c TCDT, TH;
- Lưu: VT.



**Cao Văn Trọng**